

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CHỈ ĐẠO TỔNG KẾT
NGHỊ QUYẾT 26-NQ/TW CỦA BCHTW
ĐẢNG KHÓA X VỀ NÔNG NGHIỆP,
NÔNG DÂN, NÔNG THÔN**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2021

Số 09 -CV/BCĐ

V/v tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp
hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân,
nông thôn (Nghị quyết 26-NQ/TW)

Kính gửi:

Tỉnh ủy Quảng Ngãi

- Căn cứ Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII;

- Căn cứ Quyết định số 02-QĐ/TW ngày 26/3/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (Ban Chỉ đạo);

- Căn cứ vào kế hoạch số 08-KH/BCĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương về kế hoạch tổng kết Nghị quyết 26-NQ/TW;

Ban Chỉ đạo đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức và chỉ đạo thực hiện tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW gửi Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt và hệ thống bảng biểu tổng hợp kèm. Báo cáo tổng kết gửi về Ban Chỉ đạo Trung ương trước ngày 30 tháng 7 năm 2021. (đề cương hoặc gợi ý gửi kèm)

Báo cáo bằng văn bản gửi về Ban Chỉ đạo theo địa chỉ: Ban Kinh tế Trung ương, tòa nhà A4, Nguyễn Cảnh Chân, Ba Đình, Hà Nội và file mềm theo địa chỉ Email: tongketnq26@kinhtetrunguong.vn.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Đồng chí Trưởng Ban (để báo cáo),
- Vụ Nông nghiệp và PTNT (03 bản),
- Lưu Ban Kinh tế Trung ương.

**PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC
BAN KINH TẾ TRUNG ƯƠNG**

kiêm

PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC

BAN CHỈ ĐẠO



Cao Đức Phát

**GỢI Ý ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT NGHỊ QUYẾT 26-NQ/TW CỦA
BCHTW KHÓA X VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN**



*(Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương,
trừ Nam Định, Đồng Tháp, Đồng Nai)*

ĐẶT VẤN ĐỀ

- Nêu khái quát mục tiêu, vai trò, vị trí của nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở địa phương và căn cứ tổng kết Nghị quyết Trung ương 26.
- Khái quát quá trình tổ chức tổng kết;
- Kết cấu của Báo cáo.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, HỌC TẬP, QUẢN TRIỆT, XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA CẤP ỦY Ở ĐỊA PHƯƠNG

- Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW, các kết luận 97-KL/TW và 54- KL/TW của Bộ chính trị của các cấp ủy, chính quyền và đoàn thể ở địa phương.

- Việc xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch hành động của Cấp ủy để thực hiện Nghị quyết.

II. CÔNG TÁC THỂ CHẾ HÓA CÁC CHỦ TRƯỞNG CỦA NGHỊ QUYẾT

Tập hợp, thống kê đầy đủ danh mục các văn bản pháp lý, chương trình, đề án được xây dựng, ban hành và thực thi trong giai đoạn 2008-2021, đánh giá tổng quát mức độ đáp ứng yêu cầu để thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW tại địa phương.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Phần này trình bày đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong Nghị quyết trong giai đoạn 2008-2021, dự kiến chia thành các nhóm vấn đề chính gồm:

1. Về thực hiện tái cơ cấu, xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại; phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn;

2. Kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng và đô thị hóa nông thôn;

3. Về xóa đói giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục, văn hóa xã hội nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn;

4. Về đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn;

5. Về phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực;

6. Về đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân;

7. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn.

Trong báo cáo tổng kết Nghị quyết 26-NQ/TW cần chú trọng làm rõ các vấn đề trọng tâm sau:

(1) Trong nông nghiệp: mức độ thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu ngành; chuyển dịch cơ cấu cây trồng và hiệu quả sử dụng đất canh tác; tính bền vững của ngành chăn nuôi, vai trò của các hộ nhỏ và chăn nuôi công nghiệp, nhất là của các doanh nghiệp FDI trong phát triển chăn nuôi; tình trạng khai thác hải sản trên biển và tính bền vững trong nuôi trồng thủy sản; chất lượng các loại rừng và đóng góp kinh tế của ngành lâm nghiệp; chất lượng nông sản thể hiện qua mức độ đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và giá trị hàng hóa.

(2) Sự phát triển của các ngành kinh tế phi nông nghiệp (công nghiệp, dịch vụ) ở nông thôn và khả năng đáp ứng yêu cầu tạo việc làm và nâng cao thu nhập tại chỗ cho dân cư nông thôn.

(3) Tính bền vững trong xây dựng nông thôn mới; khó khăn tồn tại trong phát triển nhiều vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc tỷ lệ hộ nghèo còn cao; Việc thực hiện xây dựng nông thôn mới ở cấp huyện và tỉnh.

(4) Mức độ cải thiện kết cấu hạ tầng nông thôn và khả năng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, đô thị hóa, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

(5) Thực trạng giải quyết việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo ở các vùng nông thôn; kết quả đạt được và tồn tại, bất cập trong thực hiện chủ trương đào tạo nghề cho nông dân.

(6) Những thành tựu và bất cập trong phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo ở các vùng nông thôn.

(7) Tình trạng môi trường nông thôn, ô nhiễm môi trường và giải pháp

(8) Các vấn đề bức xúc ảnh hưởng đến ổn định và trật tự xã hội ở nông thôn

(9) Việc thực hiện chủ trương tăng đầu tư ngân sách thực hiện Nghị quyết, hiệu quả sử dụng ngân sách; những mặt được và tồn tại trong huy động các nguồn lực xã hội.

(10) Đánh giá tác động thực chất của các chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn; chất lượng hiệu quả hoạt động của các HTX.

II. HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, yếu kém

Cần chú trọng làm rõ những hạn chế, yếu kém theo từng vấn đề chính và từng vấn đề trọng tâm đã nêu ở trên

2. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại, yếu kém

- Nguyên nhân khách quan: Nêu rõ tác động của bối cảnh quốc tế, nhất là biến động của thị trường nông sản, xu hướng hội nhập và toàn cầu hóa, chủ nghĩa bảo hộ, biến đổi khí hậu cũng như tình hình kinh tế-xã hội, thiên tai dịch bệnh trong nước tới nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn 2008-2021.

- Nguyên nhân chủ quan: tập trung làm rõ các nguyên nhân về nhận thức của các cấp ủy, cán bộ, đảng viên và nhân dân về các chủ trương của Đảng nêu trong Nghị quyết; sự đầy đủ, đồng bộ, kịp thời và phù hợp của cơ chế, chính sách; khả năng huy động các nguồn lực và về tổ chức thực hiện Nghị quyết.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Đúc rút những bài học sâu sắc về việc triển khai thực hiện Nghị quyết, nhất là về:

- Công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị.
- Sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng; và sự vào cuộc của chính quyền, đoàn thể;
- Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân.
- Tổ chức thực hiện, nhất là công tác thể chế.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nêu tính đúng đắn, phù hợp của Nghị quyết; tác động của thực hiện Nghị quyết đến nông nghiệp, nông thôn, đời sống, niềm tin của người dân nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước (giai đoạn 2008-2020); tác động về mặt chính trị tới vai trò, vị thế và niềm tin của nhân dân vào các tổ chức Đảng và cả hệ thống chính trị. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết mới để khắc phục tồn tại và tiếp tục thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống của nông dân trong giai đoạn mới.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2021-2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Dự báo bối cảnh quốc tế và trong nước, các xu hướng lớn, triển vọng phát triển kinh tế- xã hội, những cơ hội và thách thức mới đặt ra đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

II. QUAN ĐIỂM

- Khẳng định vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn 2030 tầm nhìn 2045.

- Xác định các phương châm, cơ chế, lực lượng chính, vai trò và trách nhiệm của các tổ chức Đảng và hệ thống chính trị trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn 2030 tầm nhìn 2045.

Các quan điểm được nêu phải phù hợp và cụ thể hóa chủ trương của Đại hội XIII.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đề xuất mục tiêu tổng quát về phát triển nông nghiệp, nông thôn và đời sống nông dân trong giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và 2030 xác định tầm nhìn đến năm 2045 của địa phương

- Về nông nghiệp
- Về nông dân
- Về nông thôn

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu, phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng hiện đại, bền vững

Nêu định hướng lớn tái cơ cấu nông nghiệp, chủ trương phát triển các lĩnh vực (trồng trọt; chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp); chuyển mạnh sang nâng cao chất lượng và hiệu quả, đảm bảo tính bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, tạo việc làm và thu nhập tại chỗ cho dân cư nông thôn

Nêu rõ chủ trương, định hướng lớn về phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, công nghiệp thu hút nhiều lao động, các loại hình dịch vụ ở nông thôn nhằm tạo nhiều việc làm và thu nhập tại chỗ ổn định cho lao động nông thôn, góp phần hạn chế việc di dân quá mức tới các đô thị lớn.

3. Xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa; phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn; cải thiện nhanh điều kiện sinh sống ở các vùng nông thôn.

- Chủ trương và định hướng lớn về nội dung và phương thức tiếp tục thực hiện xây dựng nông thôn mới văn minh hiện đại theo hướng đô thị hóa; định hướng mô hình phát triển nông thôn các vùng. Chủ trương đối với nhóm các xã đã hoàn thành các tiêu chí cho giai đoạn tới năm 2030; chủ trương đối với nhóm các xã chưa đạt tiêu chí, nhất là ở miền núi và các vùng có nhiều khó khăn. Chủ trương về xây dựng nông thôn mới ở cấp huyện và cấp tỉnh. Chú trọng phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm và thu nhập bền vững, phát triển văn hóa xã hội, xây dựng cộng đồng, đảm bảo an ninh, bảo vệ môi trường nông thôn;

- Chủ trương và định hướng phát triển các loại hình cơ sở hạ tầng thiết yếu ở nông thôn. Tiếp tục phát triển hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Phát triển hệ thống giao thông và logistics, hệ thống hạ tầng viễn thông ở các vùng nông thôn và cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành nông nghiệp (hệ thống hạ tầng nghề cá, hạ tầng lâm nghiệp, thú y, bảo vệ và kiểm dịch thực vật...).

4. Nâng cao toàn diện thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của dân cư, đảm bảo công bằng xã hội ở nông thôn

- Định hướng cơ cấu lao động nông thôn, chính sách nâng cao chất lượng lao động nông nghiệp, đào tạo nghề, hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn.

- Định hướng giải pháp lớn để thực hiện chủ trương của Đảng về giảm nghèo bền vững ở và đảm bảo an sinh xã hội ở nông thôn.

- Chủ trương và cơ chế, giải pháp đặc thù cho các vùng có nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao.

- Chủ trương, định hướng chính sách văn hóa, xã hội khác đối với khu vực nông thôn.

- Chủ trương, định hướng chính sách tăng cường đảm bảo an ninh, trật tự, an ninh, an toàn xã hội ở nông thôn.

- Hoàn thiện cơ chế phát huy dân chủ, thực thi vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

5. Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn

- Định hướng và các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn vốn là khu vực dễ tổn thương nhất; định hướng giải pháp nâng cao năng lực phòng chống thiên tai.

- Định hướng và các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các tài nguyên thiên nhiên, nhất là đất đai, nguồn nước, rừng, nguồn lợi thủy, hải sản..., bảo tồn đa dạng sinh học.

- Định hướng và các giải pháp tăng cường bảo vệ môi trường ở nông thôn.

6. Đề xuất đổi mới cơ chế chính sách và tổ chức sản xuất gắn với xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nông thôn

6.1. Về đổi mới cơ chế chính sách

a) Chính sách đất đai:

Định hướng đổi mới cơ chế quản lý đất nông nghiệp, nhất là đất lúa, tạo điều kiện cho nông dân nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường; thúc đẩy tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.

b) Chính sách tài chính, tín dụng

- Định hướng điều chỉnh chính sách thuế theo hướng khuyến khích và hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là các vùng có nhiều khó khăn.

- Cơ chế tăng đầu tư ngân sách cho thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn. Xây dựng cơ chế lồng ghép các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trên cùng một địa bàn.

- Đổi mới cơ chế, chính sách để tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho nông dân và các đối tác kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh phát triển quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng HTX ở khu vực nông thôn. Phát triển đối tác công tư.

c) Chính sách thương mại

- Chủ trương và định hướng nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển thị trường trong và ngoài nước cho nông sản Việt Nam; quản lý chặt chẽ thị trường nông sản làm thực phẩm trong nước.

6.2 Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất

- Định hướng đổi mới chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác, trọng tâm là hợp tác xã trong nông nghiệp, nông thôn; phát triển các hình thức liên kết; phát triển kinh tế trang trại; phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế cá thể sản xuất hàng hóa.

- Chủ trương đổi mới quản lý các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các công ty nông lâm nghiệp vốn là các nông lâm trường quốc doanh, các ban quản lý rừng.

- Chủ trương đổi mới việc khuyến khích FDI đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

7. Thúc đẩy tham gia cách mạng công nghiệp 4.0, nâng cao nhanh trình độ khoa học công nghệ trong nông nghiệp, nông thôn

- Chủ trương, định hướng thúc đẩy ứng dụng cách mạng công nghiệp 4.0 trong nông nghiệp, nông thôn.

- Định hướng phát triển nghiên cứu, chuyên gia và ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp, nông thôn; phát triển hệ thống nghiên cứu và khuyến nông ở địa phương.

- Chủ trương và định hướng phát triển ứng dụng công nghệ cao, bao gồm cả công nghệ số trong nông nghiệp, nông thôn.

8. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước; đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phát huy vai trò của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp; phát huy dân chủ và vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển:

a) Xác định vai trò và trách nhiệm của các tổ chức Đảng và đảng viên trong thực hiện chủ trương của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tăng cường hoạt động của các tổ chức đảng ở nông thôn.

Tổ chức tuyên truyền, vận động sâu rộng nhận thức mới về vai trò, nhiệm vụ của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới.

Đổi mới, đa dạng hình thức, phương pháp tuyên truyền, coi trọng việc phổ biến những cách làm hay, mô hình tốt trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

b) Kiện toàn và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn.

- Rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống quản lý nông nghiệp từ Trung ương đến địa phương, làm rõ và tách bạch chức năng hành chính công và dịch vụ công, xóa bỏ sự chồng chéo; tăng cường hệ thống quản lý nhà nước về nông nghiệp cho cấp huyện, xã. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước và dịch vụ công.

Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống dịch vụ công về giống, bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông, quản lý chất lượng nông sản và vật tư nông nghiệp, đào tạo nghề... trên cơ sở tăng cường xã hội hóa. Định hướng đổi mới và tăng cường năng lực cho hệ thống quản lý chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng trong nước và nâng cao hiệu quả xuất khẩu.

c) Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và sự tham gia của nhân dân.

- Củng cố, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Hội nông dân Việt Nam.

V. TÔ CHỨC THỰC HIỆN

- Phương hướng, phân công thực hiện chủ trương của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở địa phương.

VI. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị của địa phương về việc ban hành và tên gọi của Nghị quyết mới; về sửa đổi luật pháp; về các chương trình mục tiêu và đầu tư... và các nội dung khác có liên quan./.